

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Năm 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên cơ sở giáo dục TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH

2. Địa chỉ

Xóm Thị Tứ, xã Bình Minh, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0389036345 (HT)

Địa chỉ thư điện tử: cltanthanh.yt@nghean.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: tthananh.gdyenthanh.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- *Sứ mạng:* Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, chất lượng thực chất để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

- *Tầm nhìn:* Xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và Chuẩn quốc gia (Mức độ 1), tiến tới phấn đấu đạt mức độ cao hơn. giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên.

- *Mục tiêu:* Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học; tăng cường bảo đảm an toàn trường học. Đảm bảo duy trì ổn định chất lượng giáo dục toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Tân Thành thuộc xã Bình Minh được thành lập theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2010 của UBND huyện Yên Thành (sáp nhập từ trường Tiểu học số 1 Tân Thành và Trường Tiểu học số 2 Tân Thành). Từ khi được sáp nhập, nhà trường đã tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống xây dựng trường. Trong suốt những năm thành lập, thầy và trò nhà trường đã nỗ lực phấn đấu vươn lên, dần khẳng định được chất lượng bền vững hơn. Trường đang trong quá trình xây dựng trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1 và kiểm định Mức độ 1, trường đạt chuẩn PCGDTH Mức độ 3 từ tháng 10/2019 đến nay. Nhiều năm nhà trường đạt Tập thể Lao động Tiên tiến, cơ quan văn hoá cấp huyện được UBND huyện tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

- Hiệu trưởng: Phan Huy Nghĩa

- Số điện thoại: 0389036345
- Gmail: phanhuynghia30@gmail.com
- Website: tthan thanh.gdyenthanh.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Tiểu học Tân Thành thuộc xã Bình Minh được thành lập theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2010 của UBND huyện Yên Thành (sáp nhập từ trường Tiểu học số 1 Tân Thành và Trường Tiểu học số 2 Tân Thành).

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định kiện toàn HĐT số 1117/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện.

Quyết định Chủ tịch HĐT số 1513/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Yên Thành: Phan Huy Nghia – Chủ tịch HĐT- Hiệu trưởng

Thứ tự	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Nhiệm vụ HĐT
1	Phan Huy Nghia	Hiệu trưởng	CTHĐ
2	Phan Thị Hương Liên	Phó hiệu trưởng; Chủ tịch Công đoàn;	P CTHĐ
3	Hoàng Thị Ngọc	Phó Hiệu trưởng	P CTHĐ
4	Hoàng Danh Hiền	TPT Đội	Thành viên
5	Nguyễn Thị Nga	Tổ trưởng	Thành viên
6	Nguyễn Thị Hoài	Tổ trưởng	Thành viên
7	Nguyễn Bá Tín	Đại diện tổ văn phòng	Thành viên
8	Nguyễn Văn Kỳ	Thư ký hội đồng	Thành viên
9	Trần Xuân Độ	CCVH	Thành viên
10	Trần Thị Loan	Trưởng ban Đại diện CMHS	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

QĐ bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Phan Huy Nghia Số 6959/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của CT UBND huyện Yên Thành

QĐ bổ nhiệm PHT Phan Thị Hương Liên Số 3472/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của CT UBND huyện Yên Thành

QĐ bổ nhiệm PHT Hoàng Thị Ngọc Số 6689/QĐ-UBND ngày 29/08/2019 của CT UBND huyện Yên Thành

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Tân Thành hoạt động theo cơ chế nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động toàn phần; Thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:*

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hóa- giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng: Phan Huy Nghĩa

- Số điện thoại: 0389036345; Gmail: phanhuynghe30@gmail.com

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH

BÍ THƯ CHI BỘ; HIỆU TRƯỞNG

PHAN HUY NGHĨA

PHÓ BT CHI BỘ; PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Chuyên môn)

PHAN THỊ HƯƠNG LIÊN

CUV; PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Chuyên môn)

HOÀNG THỊ NGỌC

TỔ CHUYÊN MÔN (Tổng số: 38 Giáo viên)

TỔ VĂN PHÒNG
(03 Nhân viên)

TỔ KHỐI 1 & 2
(13 Giáo viên)

Tổ trưởng:

Nguyễn Thị Hoài

Tổ phó:

Nguyễn Thanh Mai

Giáo viên đứng lớp:

1. Nguyễn Thị Đức
2. Nguyễn Thị Giang
3. Nguyễn Thị Hoài
4. Nguyễn Thị Hương
5. Trần Thị Minh
6. Nguyễn Thị Thu
7. Nguyễn Thị Yến
8. Phan Thị Hồng Côn
9. Phạm Thị Hà
10. Tống Thị Linh
11. Trần Thị Loan
12. Trần Thị Mai
13. Phan Thị Sửu

TỔ KHỐI 3 & BỘ MÔN
(13 Giáo viên)

Giáo viên đứng lớp:

1. Nguyễn Thị Hà
 2. Phạm Thị Hà
 3. Nguyễn Thị Mai Hằng
 4. Tống Thị Linh
 5. Nguyễn Thanh Mai
 6. Chu Văn Thịnh
 7. Vũ Thị Yến
 8. Tin: Mai Thị Nhung
 9. Ân: Cao Xuân Vũ
- GV Mỹ thuật:**
Hoàng Danh Hiền;
Nguyễn Thị Điều
- Nguyễn Thị Thi
Luu Thị Yến

TỔ KHỐI 4, 5 & BỘ MÔN
(12 Giáo viên)

Tổ trưởng:

Nguyễn Thị Nga

Tổ phó:

Tô Xuân Thành

Giáo viên giảng dạy:

- Phạm Đình Bình
Nguyễn Thị Thu Hiền
Hoàng Danh Hiền
Phan Thị Hương
Nguyễn Văn Kỳ
Bùi Thị Lam
Đinh Thị Hằng Mơ
Nguyễn Thị Nga
Mai Thị Nhung
Lê Thị Sen
Phan Văn Thành
Tô Xuân Thành

BỘ PHẬN CHỨC NĂNG
(04 Nhân viên)

1. Kế toán tài vụ:

Nguyễn Bá Tín (LT)

2. Văn thư - Thủ quỹ:

Đặng Thị Lạng

3. Thư viện- Thiết bị

Trần Thị Xuân

4. Y tế học đường:

Đặng Thị Lương

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

	toán													
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	1				1								
5	Nhân viên thư viện	1			1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm; TQ	1				1								
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
9	Bảo vệ, phục vụ	2							2					

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I. Cơ sở vật chất		
1. Phòng học		
Số phòng học	32	
Phòng học kiên cố	12	
Phòng bán kiên cố	20	
2. Phòng chức năng	01	
Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng	0	
Phòng giáo dục nghệ thuật	0	
Thư viện	1	
Phòng thiết bị giáo dục	0	
Phòng hoạt động Đội	1	
Phòng truyền thống	0	
Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập.	1	
3. Điểm trường		

Số điểm trường	2	
Tổng diện tích đất	15.556 m ²	
Diện tích sân chơi, bãi tập	5.000 m ²	
Diện tích phòng học	1.344 m ²	32 phòng
Diện tích thư viện		
Diện tích nhà đa năng		
Diện tích phòng khác		
II. Thiết bị dạy học tối thiểu		
Khối lớp 1	7	Dành cho GV
Khối lớp 2	6	Dành cho GV
Khối lớp 3	6	Dành cho GV
Khối lớp 4	6	Dành cho GV
Khối lớp 5	7	Dành cho GV
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập	40	
Tivi	34	
Cát xét	0	
Đầu Video / đầu đĩa	0	
Máy chiếu	0	
Amplify, loa máy	2	
Thiết bị khác	2	
III. Thư viện		
Sách nghiệp vụ	3938 bản	
Sách tham khảo	3724 bản	
Sách thiếu nhi	2021 bản	
Tài liệu khác	1869 bản	

IV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
V	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
VI	Nguồn điện (lưới)	x	
VII	Kết nối internet	x	
VIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
IX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Hàng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trong những năm học qua, nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lý đúng quy định. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường về cơ bản có đủ số lượng (tính cả hợp đồng), trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn cao đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đáp ứng về yêu cầu nhiệm vụ công tác và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo về chất lượng giáo dục học sinh hàng năm. Học sinh của nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi, luôn có ý thức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định của học sinh, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với Ban đại diện CMHS, vận động nhiều nguồn kinh phí khác nhau để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Nhờ thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, nhà trường đã tạo được mối quan hệ bền vững giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Bên cạnh việc thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong đó chú trọng hoạt động dạy - học và rèn luyện năng lực, phẩm chất, nhà trường còn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh nên hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Tuy nhiên, nhà trường cũng còn một số hạn chế nhất định, tình hình cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sự phát triển đi lên của ngành giáo dục nói riêng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất là ở lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, việc soạn giảng giáo án điện tử chưa thường xuyên, đồng đều ở tất cả các môn học.

Nhà trường đã mô tả đúng thực trạng, phân tích những ưu điểm, khuyết điểm, đưa ra kế hoạch cải tiến trong thời gian đến. Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường tự đánh giá:

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: $23/24 = 95,8\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: $22/24 = 91,6\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: $14/17 = 82,3\%$
- Mức 4: Đạt 0/5 tiêu chí- Tỷ lệ: 0%; Không đạt: 5/5 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%

Căn cứ Mục c, Khoản 2, Điều 34; Khoản 2, Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Với các chỉ số và tiêu chí đạt yêu cầu tự đánh giá như trên trường Tiểu học Tân Thành đạt:

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: đạt Mức chất lượng tối thiểu.
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 năm học 2026-2027.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường được đoàn đánh giá ngoài của Tỉnh công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026:

a) *Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:*

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1.	Kết quả tuyển sinh NH 2025-2026	255	255				
2.	Số học sinh	1230	260	222	251	239	258
3.	Số lớp	32	7	6	6	6	7
4.	Sĩ số bình quân						
5.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1.230	260	222	251	239	258
6.	Số học sinh dân tộc	4		1	1	1	1
7.	Số học sinh khuyết tật	11	4		2	2	3
8.	Số học sinh thuộc diện chính sách	82	7	16	14	15	30
9.	Số học sinh chuyển đi	5					5
10.	Số học sinh chuyển đến	25	3	4	6	7	5

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH TIỂU HỌC

Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT)

TS HS	Tiếng Việt						Toán						HSKT Đánh giá theo sự TB
	HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1230	880	71,5	338	27,4	7	0,05	875	71,1	345	28,04			5

TS HS	Năng lực chung												HSKT Đánh giá theo sự TB
	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1230	874	63,7	350	28,4	1	0,08	890	72,3	334	27,1	1	0,08	5

TS HS	Năng lực chung						Năng lực đặc thù					
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo						Ngôn ngữ					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	872	70,9	352	28,6	1	0,08	901	74	323	26,2	1	0,08
TS HS	Năng lực đặc thù											
	Tính toán						Khoa học					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	876	71,2	348	28,3	1	0,08	380	30,9	160	13	0	0

TS HS	Năng lực đặc thù											
	Thẩm mỹ						Thể chất					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	903	73,4	321	26,1	1	0,08	913	74,2	311	25,3	1	0,08
TS HS	Năng lực đặc thù											
	Công nghệ						Tin học					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
744	529	71,1	315	42,7	0	0	531	71,4	213	28,6	0	0

TS HS	Phẩm chất chủ yếu											
	Yêu nước						Nhân ái					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1230	949	77,1	279	22,7	1	0,08	935	76	293	23,8	1	0,08

TS HS	Phẩm chất chủ yếu					
	Chăm chỉ					
	Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%
1230	907	73,7	321	26,1	1	0,08

TS HS	Phẩm chất chủ yếu											
	Trung thực						Trách nhiệm					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1230	937	76,1	291	23,6	1	0,08	900	73,1	328	26,6	1	0,08

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CUỐI NĂM HỌC 2025-2026

		Sĩ số	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1230	255	220	251	238	258
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	858	190	166	182	148	172
	Trong đó: Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	503	136	101	104	70	92
	Học sinh khen từng mặt/ tiêu biểu (tỷ lệ so với tổng số)	355	54	65	78	78	80
	Học sinh nhận thư khen (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	21	0	7	1	1	12
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	4	2	0		1	1

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
NĂM 2025**

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH

Đơn vị đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu kết quả	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I.	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1.	Doanh thu (01=02+03+04)	1			
	a. Từ NSNN cấp	2	11.031.407.000		
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4			
2.	Chi phí (05=06+07+08)	5			
	a. Chi phí hoạt động	6	10.681.145		
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8			
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (09=01- 05)	9	356.262.000		
II.	Hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ				
1.	Doanh thu	10			
2.	Chi phí	11			
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (12=10- 11)	12			
III.	Hoạt động tài chính				
1.	Doanh thu	20	757.107		
2.	Chi phí	21	90.000		
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (22=20- 21)	22	667.107		
IV.	Hoạt động khác				
1.	Doanh thu	30	295.162.282		
2.	Chi phí	31	162.439.300		
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (32=30- 31)	32	132.722.982		
V.	Chi phí thuế TNDN	40			
VI.	Thặng dư/ Thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	489.652.089		
1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2.	Phân phối cho các quỹ	52	133.390.08		
3.	Kinh phí cải cách tiền lương	53	356.262.000		

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
CHO HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT
NĂM HỌC 2025-2026**

Đơn vị đồng

TT	Tên học sinh	HỌC KÌ 1				HỌC KÌ 2				Tổng số tiền cả năm học 2025-2026
		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Nguyễn Thị Ái Vân			4	600.000			5	750.000	1.350.000
2.	Trần Bảo Hân			4	600.000			5	750.000	1.350.000
3.	Dương Anh Kiên			4	600.000			5	750.000	1.350.000
4.	Nguyễn Như Anh Dũng			4	600.000			5	750.000	1.350.000
5.	Nguyễn Thế Minh Triết			4	600.000			5	750.000	1.350.000
6.	Đậu Bá Minh Khang			4	600.000			5	750.000	1.350.000
7.	Phan Thị Ngọc Ánh	4	600.000			5	750.000		750.000	1.350.000
8.	Nguyễn Thị Thảo An			4	600.000			5	750.000	1.350.000
9.	Mã Phúc Sang	4	600.000			5	750.000		750.000	1.350.000
10.	Phạm Bảo Sơn			4	600.000			5	750.000	1.350.000
11	Thái Thị Thu Hoài			4	600.000			5	750.000	1.350.000
12	Phan Việt Long					5	750.000		750.000	750.000
13	Trần Đăng Khoa			4	600.000			5	750.000	1.350.000
14	Trần Hưng Phát			4	600.000			5	750.000	1.350.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chi bộ: Năm 2025: Đã kết nạp được 01 đảng viên mới, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 05 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu”.

2. Đội TNTP HCM: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2025-2026.

3. Chuyên môn:

3.1. Giáo viên

Giáo viên	Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ	5 %	
	Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	17.5%	
	Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ	77.5%	
	Lao động tiên tiến	95%	
	Chiến sĩ thi đua cơ sở	7 Người	
	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	25 Người	
	Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học	18 Lần	
	Sáng kiến, đề tài đề nghị cấp trên công nhận	9 cái	
	Thi GVCN lớp giỏi cấp xã	5 người	
	Thi GVCN lớp giỏi cấp Tỉnh	01 Người	

3.2. Học sinh

Kết quả tham gia các cuộc thi			
TT	Nội dung	Cấp khen	Kết quả đạt được năm học 2025-2026
Học sinh	VNEDU	Cấp xã	26 em
		Cấp Tỉnh	15 em
	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp trường	34 em
		Cấp xã	34 em
		Cấp tỉnh	8 em
	IOE	Cấp trường	4 em
		Cấp xã	3 em
		Cấp tỉnh	6 em
		Giao lưu Toán- TV cấp trường	Cấp trường

	HS đạt danh hiệu xuất sắc	Cấp trường	510 em
	HS đạt danh hiệu Tiêu biểu	Cấp trường	353 em

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2025-2026 của Trường Tiểu học Tân Thành theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã Bình Minh;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT.



Phan Huy Nghĩa

